



dà yǔ
大雨

noun · heavy rain

Example Sentences

Wài miàn xià zhe dà yǔ wǒ men bié chū mén le
外面下着大雨，我们别出门了。

It's raining heavily outside, let's not go out.

Yī chǎng dà yǔ guò hòu kōng qì biàn de qīng xīn duō le
一场大雨过后，空气变得清新多了。

After a heavy rain, the air became much fresher.

Trace each character, then write the word on your own.

大	大	大	大	大	大															
雨	雨	雨	雨	雨	雨	雨	雨	雨	雨	雨	雨									